TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------
Số: 159/2026/QĐST-HNGĐ	*Đà Nẵng, ngày 16 tháng 4 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG

Căn cứ vào các điều 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 181/2026/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

**** Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:***

- Bà **Trần Thị H**, sinh năm: 1971

Địa chỉ: Tổ I, phường C, thành phố Đà Nẵng;

- Ông **Đoàn Văn T**, sinh năm: 1967

Địa chỉ: Tổ I, phường C, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng bà Trần Thị H và ông Đoàn Văn T có đăng ký vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H (cũ) nay là phường C, TP ., hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Trong quá trình chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không phù hợp, cuộc sống không hạnh phúc. Mặc dù hai bên đã nhiều lần cố gắng hàn gắn nhưng không đạt kết quả.

Đến nay vợ chồng không còn tình cảm với nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng được thuận tình ly hôn. Nhận thấy, mâu thuẫn giữa bà H và ông T đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông bà là phù hợp.

[2] Về con chung: Vợ chồng tôi có 02 con chung tên Đoàn Văn T1, sinh ngày 20/4/1993 và Đoàn Văn T2, sinh ngày 21/4/2007;

Hiện nay, các con đã đủ 18 tuổi phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết;

[4] Về nợ chung: Vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Lệ phí Tòa án: Bà Trần Thị H và ông Đoàn Văn T mỗi người tự nguyện chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng).

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị H và ông Đoàn Văn T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng tôi có 02 con chung tên Đoàn Văn T1, sinh ngày 20/4/1993 và Đoàn Văn T2, sinh ngày 21/4/2007;

Hiện nay, các con đã đủ 18 tuổi phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về nợ chung: Vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng, bà Trần Thị H và ông Đoàn Văn T tự nguyện chịu. Bà H và ông T đã nộp đủ lệ phí theo biên lại số 0002624 ngày 19/3/2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 3- Đà Nẵng;
- THADS thành phố Đà Nẵng;
- UBND xã Hòa Thọ, huyện Hòa Vang
(nay là phường Cẩm Lệ), TP. Đà Nẵng;
(Giấy chứng nhận kết hôn số 108, đăng ký ngày 24/9/2002);
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Lê Văn Lâm